

CHẤT THẦN BÍ TRONG VĂN HỌC THỜI LÝ

VŨ THANH^(*)

1. Văn học thời Lý là sự mở đầu cho nhiều truyền thống tốt đẹp với những bản sắc và đặc trưng riêng biệt của văn học dân tộc. Điểm nổi bật nhất của văn học giai đoạn này là ý thức tự hào về sơn hà xã tắc, là ý chí quật cường, khẳng định chủ quyền dân tộc đã giành được, là tinh thần quyết tâm xây dựng đất nước trở thành một quốc gia hùng mạnh. Tất cả được lồng trong âm hưởng đậm sắc thái của “tam giáo đồng nguyên” với những triết lí cao siêu về vũ trụ và con người, trong đó những tư tưởng Phật giáo vẫn có phần nổi trội và chiếm một vị trí quan trọng. Một trong những đặc sắc của văn học giai đoạn này còn ít được các nhà nghiên cứu nói đến, chính là chất thần bí, siêu nhiên, tuy còn giản dị, thô phác như một sự khởi đầu nhưng không kém phần sâu sắc, có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của văn học dân tộc trong các giai đoạn tiếp theo.

Màu sắc thần bí là một trong những đặc điểm độc đáo của văn hóa, văn học Đông Á nói chung và văn học Việt Nam trung đại nói riêng. Cái *kì* vốn là một phạm trù mĩ học của văn hóa Đông Á trung đại, là đặc thù tư duy của một giai đoạn lịch sử. Những tác phẩm văn xuôi nổi tiếng nhất của vùng văn học này đều chứa đựng trong nó những yếu tố “*kì lạ*”. Cái thần bí đầy rẫy trong các huyền thoại tôn giáo, trong văn xuôi lịch sử và là một đặc điểm của tư duy dân gian

được phản ánh rõ nét trong thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, đặc biệt trong các truyền thuyết, huyền thoại dân gian đã được Phật giáo hóa... Ở đó cái *kì* không đơn giản chỉ là một yếu tố nghệ thuật mà còn là thế giới quan của cả một giai đoạn lịch sử dài lâu. Đó là một cách nhìn nhận và cảm thụ thế giới. Do có cuộc sống gần gũi với thiên nhiên và do chưa giải thích được nhiều hiện tượng tự nhiên và xã hội, đối với con người thời cổ trung đại, bên cạnh cuộc sống hiện thực họ còn có một đời sống tâm linh phong phú với các vị thần, với những điều *kì lạ* siêu nhiên và một quan niệm sâu xa về thế giới bên kia... Quan niệm này xuất phát từ cái nhìn phi nhị nguyên luận trước vũ trụ của con người Đông Á thời trung đại. Ở đó không có sự phân chia rạch ròi giữa trần gian và thế giới siêu nhiên, thậm chí giữa chúng còn có sự tác động lẫn nhau một cách nhân quả. Vì vậy, việc phản ánh mặt thần bí, siêu nhiên đó chẳng phải là cái gì xa lạ, phi thực tế như một thời chúng ta quan niệm. Đó chính là một phần quan trọng của hiện thực, nó sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn cuộc sống và chiều sâu tâm hồn của con người thời trung đại.

2. Chất thần bí là một trong những đặc điểm khá rõ nét của văn học thời Lý, thời kì mà mối quan hệ giữa văn học viết

*. PGS. TS., Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

và văn học dân gian, giữa văn học thế tục và văn học tôn giáo còn rất mật thiết. Chất thần bí trong văn học giai đoạn này còn mang đậm màu sắc siêu nhiên, thô phác và gắn liền mật thiết với văn hóa, văn học dân gian. Ở giai đoạn đầu của văn học dân tộc đã xuất hiện một hiện tượng thơ khá lạ. Đó là những bài thơ “thần”, thơ “sấm” mang những lời lẽ khó hiểu, được gắn liền với những truyền thuyết, những huyền thoại cũng khá bí hiểm. Việc xuất hiện những bài sấm truyền, dùng lời nói kín (ẩn ngữ) để dự đoán hung cát có lẽ đã xuất hiện từ trước đời Lý nhưng phải đến thời điểm này mới thực sự nở rộ. Nổi bật hơn cả trong thơ sấm đời Lý là những chùm thơ bí hiểm xuất hiện rầm rộ trong giai đoạn chuẩn bị cho việc Lý Công Uẩn lên ngôi thay nhà Tiền Lê. Điều độc đáo là chỉ có thể lí giải một cách thấu đáo ý nghĩa tiên tri mang tính chất thần linh của những bài thơ này khi đặt nó trong bối cảnh của những huyền thoại xung quanh, giữa chúng có sự lí giải, bổ sung mật thiết cho nhau.

Vào những năm cuối thế kỉ X, sự tàn bạo đến ngu muội của Lê Ngọa Triều đã làm dân chúng phẫn uất và đình thần chán nản. Họ hướng về một người có tài năng đức độ lúc đó là Lý Công Uẩn. Hàng loạt tác phẩm nhân danh lực lượng siêu nhiên đã ra đời để vận động cho công cuộc thay đổi đó. Một bài thơ theo lối chiết tự đã xuất hiện trên một cây gạo bị sét đánh ở châu Cổ Pháp (quê hương Lý Công Uẩn) trong một cơn giông bão chỉ rõ việc nhà Lý lên thay nhà Lê:

Thụ căn diếu diếu,

Mộc biểu thanh thanh.

Hòa đao mộc lạc,

Thập bát tử thành.

Chấn cung hiện nhật,

Đoài cung ẩn tinh.

Lục thất niên gian,

Thiên hạ thái bình.

Nghĩa là:

Gốc cây thăm thăm,

Ngọn cây xanh xanh.

Cây hòa đao rụng,

Mười tám hạt thành.

Đông, mặt trời mọc,

Tây, sao náu hình.

Khoảng sáu bảy năm,

Thiên hạ thái bình⁽¹⁾.

Sư Vạn Hạnh, “người thấu suốt cả ba cõi: trời, đất, người” đã giải thích tính bí hiểm, tiên tri của bài sấm trên mà *Đại Việt sử ký toàn thư* đã ghi lại. Có thể hiểu như sau: Vua chết non, bấy tôi thịnh vượng, nhà Lê mất, nhà Lý sẽ lên thay, bậc thiên tử xuất hiện ở phương Đông, kẻ thứ dân mất hút ở phương Tây. Trong khoảng bảy năm nữa thì thiên hạ thái bình.

Dùng phương pháp chiết tự thì câu thứ ba viết thành chữ Lê, câu thứ tư viết thành chữ Lý, ý nói nhà Lê mất, nhà Lý lên thay. Giai đoạn này còn xuất hiện nhiều bài thơ “thần” phục vụ cho mục đích trên như bài *Đại sơn* (Núi lớn) tính chất thần bí khá rõ nét, bài *Đại đức* (Đức lớn) xuất hiện khi sư Đa Bảo chùa Kiến Sơ nghe thần đọc thơ để khen đức lớn của Lý Công Uẩn trong thời điểm vị hoàng đế tương lai đến thăm chùa; hoặc khi

1. *Thơ văn Lý-Trần*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, H., 1977.

trong đêm tĩnh mịch sư Vạn Hạnh nghe thấy tiếng ngâm thơ vọng tới từ mộ Hiến Khánh vương (cha của Lý Công Uẩn) và ông đã sai người ghi lại được bốn bài. Trong bài Đại sơn, mục đích của tác giả bài thơ đã khá lộ liễu và tính chất thần bí cũng đậm nét hơn:

Đại sơn long đầu khởi

Cù vĩ ẩn chu minh

Thập bát tử định thành

Miên thụ hiện long hình

Thố kê thử nguyệt nội

Định kiến nhật xuất thanh.

Nghĩa là:

Núi lớn nổi đầu rồng

Đuôi rồng giấu đại công.

Nhà Lý lập nên nghiệp

Cây gạo hiện hình long.

Trong tháng thỏ, gà, chuột

Mặt trời mọc sáng trong.

(Ngô Thế Long dịch)

Suốt trong một thời gian dài, những điều linh dị như vậy cứ liên tiếp xuất hiện. Một mặt nó kêu gọi, thúc đẩy những người vẫn an phận thủ thường phải suy nghĩ, mặt khác, nó gieo hi vọng, cổ vũ những ai muốn hành động. Có thể đoán chắc rằng, những bài thơ “thần” kiểu này đã tạo được trong dân chúng đương thời không khí náo nức đón chờ vị “Thánh quân” xuất hiện. Ngày nay, chẳng còn ai nghi ngờ nguồn gốc thần thế của những tác phẩm ấy. Và dẫu rằng chưa thể chỉ rõ tác giả của chúng, nhưng cũng có thể dự đoán một cách khá chắc chắn rằng họ thuộc nhóm Vạn Hạnh, Đào Cam Mộc, những người có nhân quan

chính trị cởi mở, thức thời: biết đặt lợi ích của đất nước, dân tộc lên trên hết, dám vì cuộc sống yên lành của trăm họ mà bỏ qua lễ “trung quân”, vấn đề quan trọng bậc nhất của Nho giáo. Như vậy là sự ra đời của các bài thơ “thần” kì bí được gắn với những truyền thuyết thần bí lại xuất phát từ những yêu cầu chính trị cấp bách của đất nước. Hầu như những vấn đề lớn, những sự kiện chính trị quan trọng đương thời ngày nay đều có thể nhận thấy dấu vết qua những mẩu huyền thoại và những bài thơ “thần” kiểu này. Sử sách cũng ghi lại rằng, Lê Hoàn trước họa xâm lược của quân Tống đã nhờ Khuông Việt đại sư đi cầu nguyện tại núi Vệ Linh, cầu cho quân ta chiến thắng trước kẻ thù hung bạo. Trong khi tiến hành cuộc chiến trên vùng sông Như Nguyệt, ông cũng mơ thấy Trương Hống, Trương Hát đến xin giúp sức và đọc thơ làm kẻ thù tan rã...

Rất nhiều khả năng *Nam quốc sơn hà* cũng đã ra đời từ một “phương thức” sáng tác như vậy. Để bài thơ trở nên linh thiêng, có sức mạnh thu phục nhân tâm, khích lệ sức mạnh tinh thần và thể chất của quân sĩ trước một kẻ thù hùng mạnh nhưng phi nghĩa và khiến giặc Tống phải kinh sợ mà tan vỡ thì người sáng tác, chắc chắn là một nhân vật quan trọng, tài năng đương thời buộc phải giấu kín tên tuổi mình và gán những lời thơ mang hào khí và sức mạnh chính nghĩa của dân tộc do mình sáng tác cho thần linh, vị thần bản địa nơi sẽ diễn ra cuộc chiến đấu một mất, một còn với kẻ thù xâm lược. Bài thơ trở thành “tiếng nói” của “thần”, của hồn thiêng sông núi, là ý chí của cả một dân tộc đang quyết hi sinh tất cả để bảo vệ độc lập và chủ

quyền. Và thần Trương Hồng, Trương Hát với sự linh thiêng nhân đôi, hai vị thần nổi danh với những chiến công chống giặc ngoại xâm và sẵn sàng chết để chứng tỏ lòng trung nghĩa, một đức tính vốn được cả thần linh và con người đề cao đã được chọn để thực hiện sứ mệnh thiêng liêng mà thời đại giao phó. Vì vậy, khi nghiên cứu, tìm hiểu *Nam quốc sơn hà* phải luôn đặt bài thơ trong truyền thuyết, phải gắn với mô típ “âm phù dương trợ” linh thiêng của văn hóa truyền thống. *Nam quốc sơn hà* cũng đã đạt tới vẻ đẹp nghệ thuật và huyền thoại về sự ra đời của nó cũng tìm được một khung cảnh lí tưởng: Trời đêm tĩnh mịch, sông nước mênh mông, sự căng thẳng của chiến trường và huyền bí của ngôi đền... Tất cả những yếu tố đó tạo nên không khí thiêng liêng khi bài thơ được ngâm vang, tuyên bố chủ quyền độc lập và cảnh cáo kẻ thù xâm lược. Các chiến binh Đại Việt trong khung cảnh đó đã tiếp nhận bài thơ vừa với khí thế và vị thế chủ nhân của một đất nước có chủ quyền độc lập, vừa với niềm tin có màu sắc tôn giáo bên cạnh sự rung cảm nghệ thuật sâu sắc.

Nhà nghiên cứu Lê Mạnh Thát trong *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*⁽²⁾ đã cho rằng bài thơ nhiều khả năng là do thiền sư Pháp Thuận viết, nhưng ông cũng không đưa ra được chứng cứ nào thật sự thuyết phục. Tuy nhiên, có một điều dễ dàng nhận thấy là các bài thơ “thần” gắn liền với các truyền thuyết, huyền thoại giàu màu sắc tôn giáo, tín ngưỡng này lại đều liên quan đến các vị thiền sư nổi tiếng đương thời như Vạn Hạnh, Pháp Thuận. Họ đều là những nhân vật chính của thời đại và phần nào có thể ngờ rằng chính họ là tác giả của không ít bài thơ

“thần”, hoặc ít ra thì họ cũng là những người đã góp phần quan trọng trong việc truyền bá những bài thơ thần bí này.

Phải chăng đã có thể nói tới tính thần bí, huyền thoại trong thơ ca thời Lý. Mỗi bài thơ ra đời, tính thần bí, huyền thoại sẽ góp phần làm nên nội dung thần bí của tác phẩm, hoặc sẽ tạo nên những huyền thoại xung quanh tác phẩm. Khi nghiên cứu, tìm hiểu các bài thơ Thiền giai đoạn này, chúng ta cũng cần phải gắn chúng với các tiểu truyện của các thiền sư. Đó là những tiểu truyện chứa đựng trong nó những huyền thoại, truyền thuyết về tác giả của các bài thơ kệ đó và cho ta biết bối cảnh ra đời của từng bài thơ.

3. Trong thể loại văn bia thời Lý, chất thần bí, huyền thoại cũng rất nổi bật. Trong đó phải kể đến hai tác phẩm nổi tiếng nhất giai đoạn này: *Văn bia tháp Sùng Thiện Diên Linh của vua thứ tư chủ nước Đại Việt* (gọi tắt là *Văn bia Sùng Thiện Diên Linh*) và *Bài minh bia chùa Linh Xứng núi Ngưỡng Sơn* (gọi tắt là *Văn bia Linh Xứng*). Đây là hai tác phẩm gắn liền với sự hưng thịnh của đạo Phật, cũng là hai bài văn bia đạt đến một trình độ nghệ thuật đặc sắc khiến cho nhiều thế kỉ sau cũng hiếm có tác phẩm cùng thể loại có thể vượt qua được.

Văn bia Sùng Thiện Diên Linh là một trong vài tác phẩm đặc sắc tiêu biểu nhất của văn bia đời Lý, do vua thứ tư nhà Lý là Lý Nhân Tông (1066-1128, làm vua từ 1072) sai bề tôi là Nguyễn Công Bật, giữ chức Triều liệt, Hình bộ Thượng thư, Binh bộ Viên ngoại lang Đồng tri phiên

2. Lê Mạnh Thát. *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tập 2, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2001, tr. 473 -483.

công viên chính sự vàng sắc chỉ soạn. Bài văn bia ra đời trong bối cảnh một xã hội thịnh trị, Phật giáo đóng vai trò quốc giáo. Chính vì vậy mở đầu tác phẩm là việc trình bày những triết lý cao siêu của đạo Phật, ca tụng sự nhiệm màu của đạo. Từ những triết lý cao siêu về vũ trụ, về con người và những vấn đề lịch sử Phật giáo mang tính khái quát như vậy, bài văn bia đi đến những vấn đề cụ thể của đất nước, của triều đại Lý Nhân Tông, ca tụng nhà vua với tất cả những mi hiệu cao siêu nhất. Lai lịch Lý Nhân Tông từ lúc bà mẹ mang thai cho đến khi “nhẹ gót lên tiên” đã được huyền thoại hóa, được thể hiện bằng một lối viết đậm chất thần bí. Thông thường, mỗi ông vua từ khi sắp sửa lên ngôi đã bắt đầu phải chuẩn bị cho mình những câu chuyện nói lên tướng mạo, tài đức “lạ thường” và địa vị thiên tử hợp với mệnh trường của mình trong tương lai, rồi sau khi nắm được ngôi báu trong tay vẫn rất cần những huyền thoại tỏ rõ sự trường tồn, uy quyền chế ngự muôn vật của mình. Sự ra đời của Lý Nhân Tông đã được thiêng hóa. Tất cả những từ ngữ tượng trưng mi hóa về sự khác thường của một “con trời”, một bậc thánh bên cạnh Phật tổ đều được đưa ra để khắc họa hình tượng của nhà vua: “Người rồng mắt phượng, trong ngọc trắng băng. Mắt trong mà xanh trắng rõ ràng, khác mắt hai người để Thuận; tai đẹp mà vành dài rộng, ché tai ba lỗ Hạ Vương... Nét mặt ngọc ôn hòa, vầng trán cao sáng sửa. Thực là sự anh minh của nghìn đời, vượt hẳn về kì tú của trăm chúa”. Tài nghệ và hành động của nhà vua đều giống như thần linh: “Ơn khắp cỏ cây muông thú; trí nhanh gió táp mưa sa. Sách kinh nội điển, tinh

thông đến chỗ yếu huyền, pháp thuật ngoại quyền thấu tóm được toàn ý chỉ. Đức lời đẹp như đá vàng, sáng lòa tinh đảo, đặt tên hay cho điện tháp, chiếu dời xưa nay. Sành phép viết để thông thần, vận bút vua đến tuyệt diệu... Tứ thơ tóm muôn hoa của thợ trời, nhạc phổ hòa thanh âm của đạo Phật. Phép viết chữ thì cùng cứu đến huyền cơ, tài bắn cung tinh thông đến diệu thuật”, v.v...

Trong bài văn bia sự thật và hư cấu, sự thật và huyền thoại không phân biệt mà hòa quyện vào nhau, và sự bất phân đó được chấp nhận như một điều dĩ nhiên trong tư duy của người đương thời. Nghệ thuật thế tục và nghệ thuật tôn giáo chưa tách bạch rõ rệt. Sự hòa quyện giữa thần bí và hiện thực, giữa tôn giáo và thế tục vốn là đặc trưng của văn học đời Lý. Ở đó các tác phẩm văn học chứa đựng trong chúng những yếu tố thần bí và được bao bọc trong một không gian huyền thoại. Trong *Văn bia Sùng Thiện Diên Linh* cái thần kì không chỉ là “màn sương” bao phủ xung quanh mà đã thật sự trở thành một bút pháp nghệ thuật - một lối tư duy, một cách viết, một kiểu cảm nhận thực tại. Mục đích ngợi ca khiến nhân vật trở nên linh thiêng, khác thường và có sức thuyết phục mọi người đã đòi hỏi tác giả bài văn bia phải vận dụng tới mức cao nhất các thủ pháp nghệ thuật như tượng trưng, ước lệ, v.v... mà giai đoạn đó có thể đạt tới được. Điều đó đã tạo điều kiện cho sự sáng tạo nghệ thuật và đem tới giá trị văn học cho một tác phẩm thuộc thể loại văn học chức năng.

Điều đặc biệt là cả sự tích Như Lai người Tây Trúc (Ấn Độ) vốn là quá khứ

với tác giả Nguyễn Công Bật lẫn hành trạng của Lý Nhân Tông, vị vua đương thời đều được huyền thoại hóa. Rõ ràng không có sự phân biệt rành mạch giữa hư cấu và sự thực, giữa khoảng cách về không gian và thời gian, giữa các nhân vật. Những điều được huyền thoại hóa lại được tiếp nhận như là những sự việc có thật đã xảy ra, qua đó thể hiện mối quan hệ mật thiết giữa tác phẩm với những huyền thoại Phật giáo và cả những truyền thuyết dân gian.

Màu sắc sử thi cũng khá rõ nét trong *Văn bia Sùng Thiện Diên Linh* với giọng văn tự tin, hào sảng, hùng biện, đặc biệt khi viết về lịch sử Phật giáo, về sự tích của Phật tổ và khi ca ngợi vị Phật sống Lý Nhân Tông. Cuộc đời và con người Lý Nhân Tông được khắc họa bằng bút pháp huyền thoại mang màu sắc sử thi: “Sao sáng đêm hiện, sông Ngân ửng vẻ trắng non; mây lành sớm bay, bệ đỏ giải màu lụa trắng. Khí mừng vút thẳng trời xanh, hương lạ ngạt ngào cung cấm. Mười tháng hoài thai trọn cử, tháng Giêng xuân tiết sinh người”. Người anh hùng xuất hiện giữa ánh hào quang của đất trời, vạn vật: “Cưỡi xe ngọc ra ngoài chín bệ, lên long xa rong ruổi đường vàng. Quạt lông trĩ che ở hai bên, kiệu nạm bạc vây quanh bốn phía. Lọng báu rợp trời, cờ màu lóe nắng. Sao băng dặm liễu, mây chuyển đường hoa. Hướng Trường Lô sông biếc, ngự điện báu Linh Quang. Nghìn thuyền như chớp giạt giữa dòng, muôn trống tựa sấm vang mặt nước...”. Không gian và thời gian thần bí hòa quyện với nhau tạo nên một bức tranh huyền ảo.

Tác phẩm thứ hai: *Văn bia Linh Xứng* cũng là một trong vài bài văn bia tiêu

biểu thời Lý còn lại đến nay, do Giác Tính Hải Chiếu đại sư, tứ tử Thích Pháp Bảo, là người truyền pháp ở chùa Phúc Diên Tư Thánh, quận Cửu Chân, trấn Thanh Hóa (nay thuộc tỉnh Thanh Hóa) soạn lời. Bia được khánh thành và dựng vào ngày 3 tháng Ba năm Bính Ngọ, năm thứ bảy niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ (tức ngày 28-3-1126), nhưng thực ra bài văn bia đã được viết khoảng trước năm 1101. Bằng nghệ thuật cách điệu và tán thán nhưng giàu chất tự sự, trên tinh thần phóng khoáng, vô chấp, giàu trí tuệ, với lối kể chuyện hấp dẫn, xen kẽ nhiều hình ảnh sinh động gắn liền với sự thật lịch sử, tất nhiên cũng tràn đầy màu sắc thần bí, huyền thoại, bài văn bia đã xây dựng thành công hình tượng người anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt với tài năng, đức độ và công tích lừng lẫy với dân, với nước, với đạo Phật.

Kiểu văn phong đậm chất sử thi anh hùng, một mực tụng ca những điều cao cả trong cuộc đời nhân vật cũng là nét đặc trưng của các bài văn bia thời Lý nói chung. Nghệ thuật kết cấu tác phẩm, đi từ khái quát đến cụ thể mang màu sắc sử thi ca ngợi các anh hùng dân tộc, nghệ thuật viết văn chính luận giàu chất hùng biện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, miêu tả thiên nhiên với sự nổi trội của bút pháp huyền thoại thần bí, văn phong vừa hoa mỹ, khoa trương, vừa lãng mạn, thi vị là những giá trị nổi bật của hai bài văn bia tiêu biểu, mở đầu cho những truyền thống tốt đẹp của văn học dân tộc, đặc biệt là với văn xuôi chính luận, tự sự và truyện thần bí sau này.

Văn học thời Lý còn báo hiệu sự xuất hiện của một thể loại văn học thần bí độc

đáo khác trong văn học dân tộc. Đó chính là thể loại truyện ngắn thần bí, mà đỉnh cao là truyện truyền kì sau này. Trên cơ sở những tư liệu mà chúng ta có được, có thể nói, truyện ngắn thần bí Việt Nam bắt đầu xuất hiện từ thế kỉ XIII với *Ứng Minh tri dị sự* (Chuyện lạ ở ao Ứng Minh) của Vũ Cao, được ghi lại trong *Việt sử lược*³. Theo *Việt sử lược*, Vũ Cao kể câu chuyện này nhằm ngấm can ngăn vua Lý Cao Tông (niên đại 1176-1210) bày những trò chơi hoang phí hại đến công quỹ và hao tổn sức dân, xa rời chuyện triều chính. Chỉ với những tình tiết tuy đơn giản nhưng lại có sức biến hóa thần bí và gây bất ngờ cho người đọc và một cốt truyện tuy còn sơ lược nhưng lại được bố cục một cách chặt chẽ, chuyện kể của Vũ Cao đã mang rõ dáng dấp của một sáng tác văn học - một truyện ngắn được xây dựng trên cơ sở của hư cấu nghệ thuật, với mô típ “người trần xuống thủy phủ” khá phổ biến trong văn học dân gian và trong truyện truyền kì Đông Á. Tác giả của nó đã xuất hiện như một “hiện tượng lạ”. Đó là một *thường dân* hiếm hoi bên cạnh những tác giả là quý tộc, quan lại, sư sãi lúc bấy giờ (Vũ Cao là con của một người hát phường trò trong cung đình, thứ bậc cùng đinh thuộc loại bị khinh rẻ nhất trong xã hội quý tộc chủ nô thời Lý-Trần). Nhưng vinh quang lại đến với ông khi có thể coi *Chuyện lạ ở ao Ứng Minh* của ông là tác phẩm đầu tiên mở đầu cho thể loại truyện ngắn thần bí trung đại Việt Nam. Điều đáng chú ý nữa là màu sắc dân gian

thuần phác được thể hiện rõ nét trong truyện ngắn đầu tiên này. Câu chuyện như sau:

“Vừa rồi Cao đi qua bờ ao, bỗng gặp một người lạ, cầm tay dắt đi. Đến gốc cây muôm, bỗng nhiên người đó dẫn Cao xuống nước. Cao sợ chết đuối không dám bước. Nhưng chỉ phút chốc, nước ao tự nhiên rẽ ra. Cao đi xuống đến một nơi, thấy cung điện nguy nga, thị vệ nghiêm chỉnh. Cao hỏi đây là dinh thự của ai. Người kia đáp:

- Chính là chỗ ta ở để cai quản ao này.

Thế rồi dọn mâm chén cùng Cao uống rượu. Rượu tàn, Cao tạ ơn xin về. Người đó đưa tặng cau, tiến lên đến gốc muôm thì không thấy đâu nữa, mà những quả cau cầm trong tay đã hóa thành đá. Cao mới biết trong ao có thần”.

Với những tư liệu ít ỏi còn lại đến ngày nay, rõ ràng đã hình thành một bộ phận quan trọng của văn học thần bí thời Lý, trong đó văn chương Phật giáo chiếm một vị trí quan trọng, góp phần thúc đẩy văn học phát triển. Xuất phát từ những ý đồ tích cực, những tác phẩm văn học thần bí thời Lý đã đứng về phía dân tộc, về phía những lực lượng tiến bộ của thời đại, kêu gọi con người hành động, góp phần dấn lực vào công cuộc xây dựng nền văn hiến cho đất nước và xác định tính chất độc đáo riêng biệt cho một giai đoạn văn học có giá trị mở đầu cho các truyền thống tốt đẹp của văn học dân tộc. /.

3. Xem *Việt sử lược*, bản dịch. H., 1960.